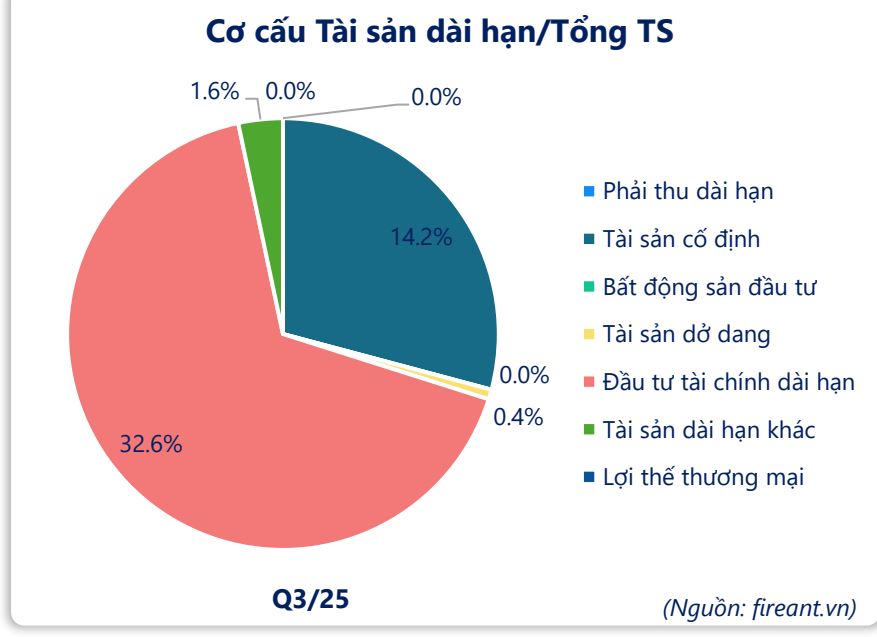
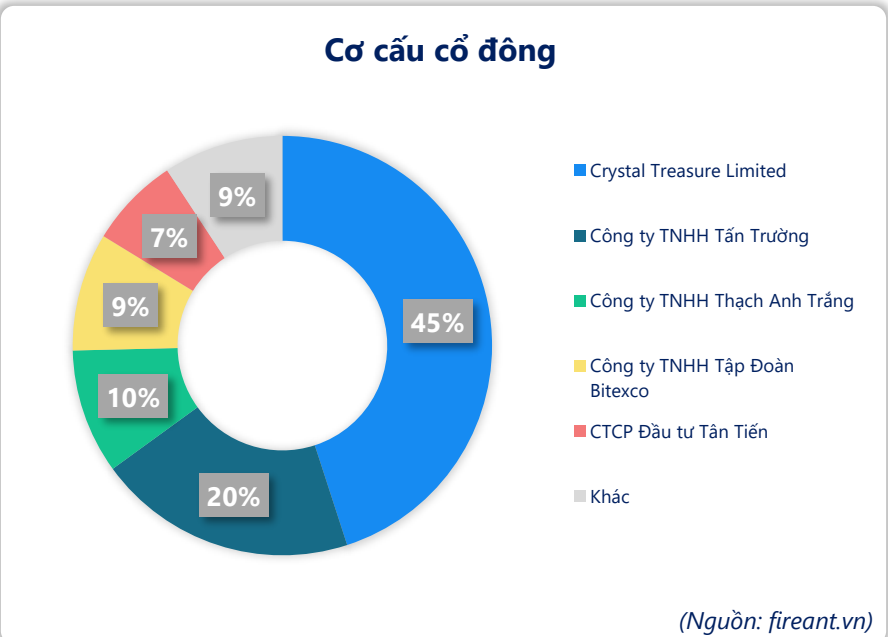
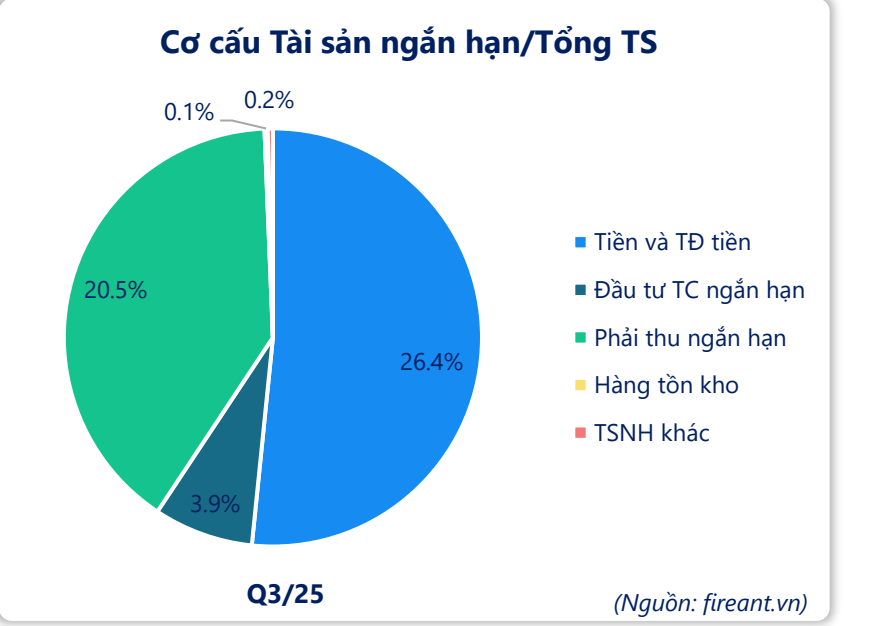
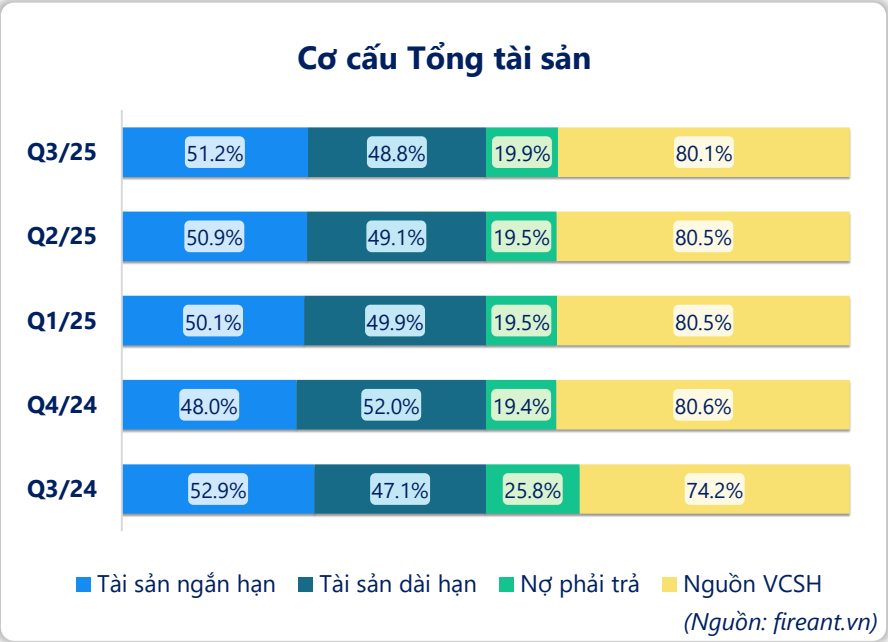
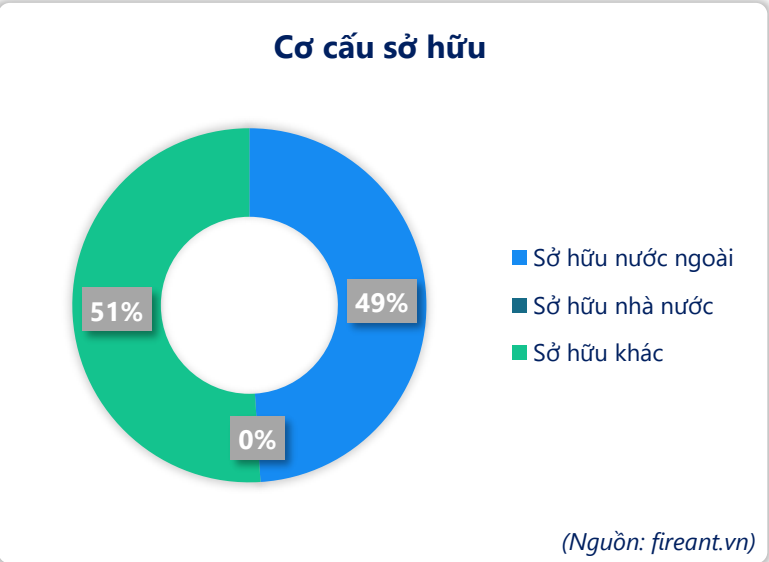
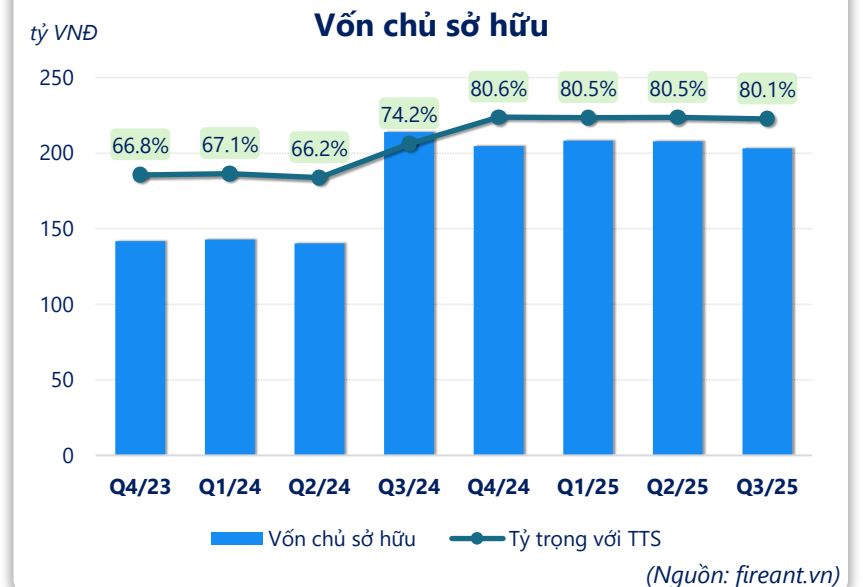
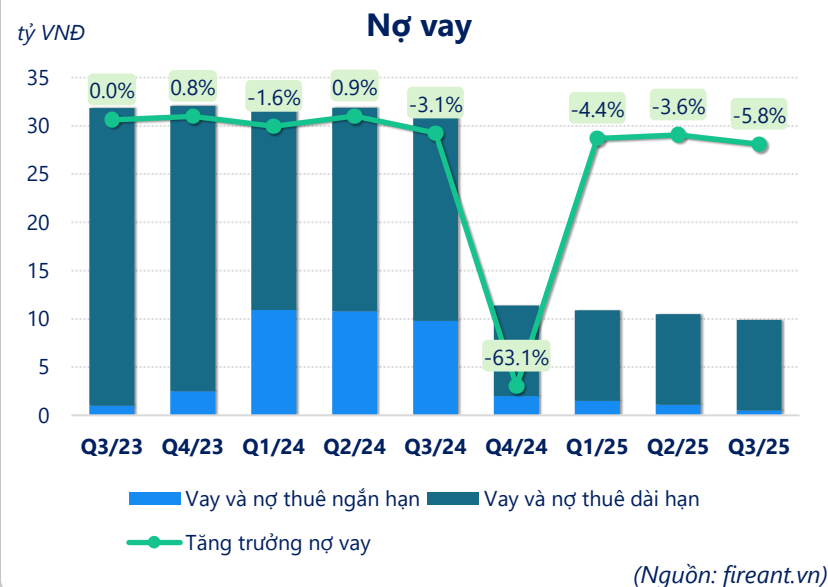
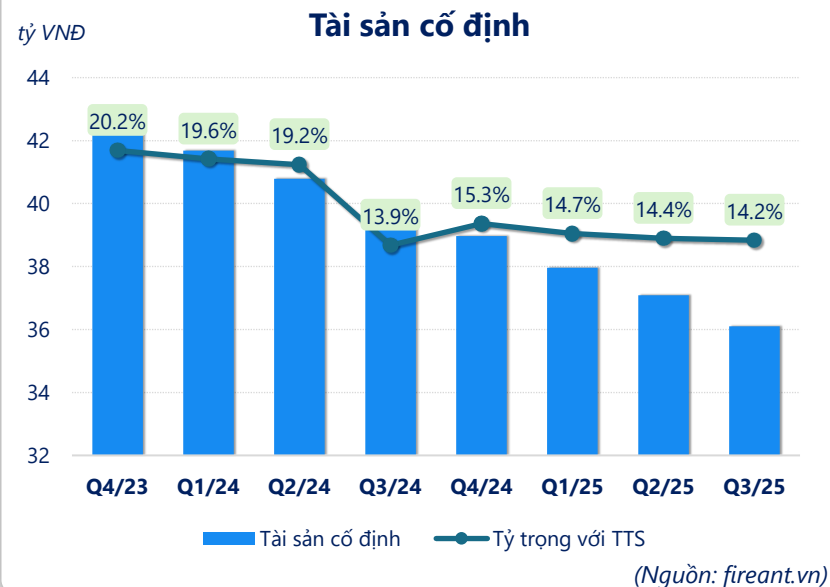
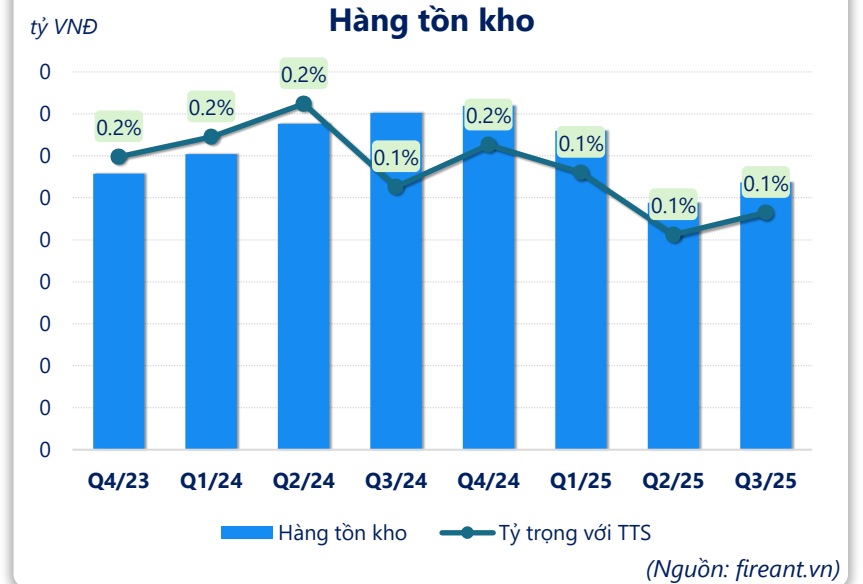
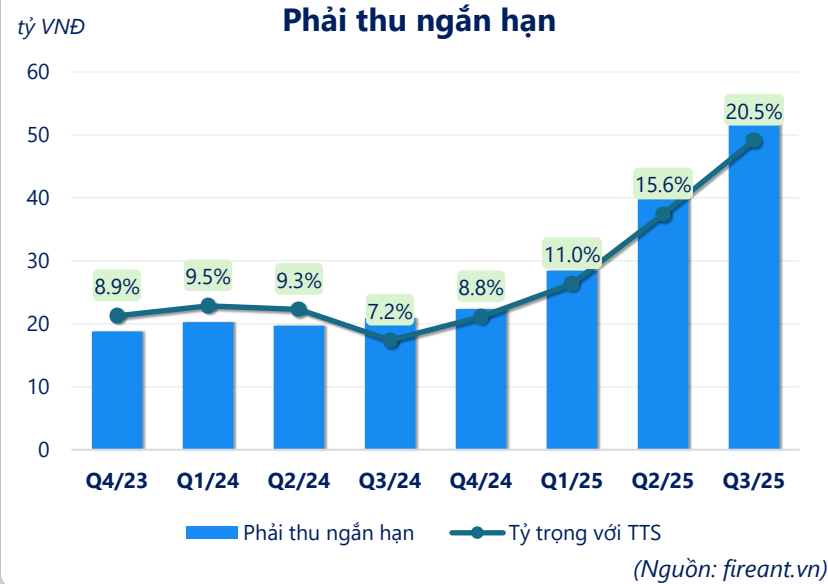
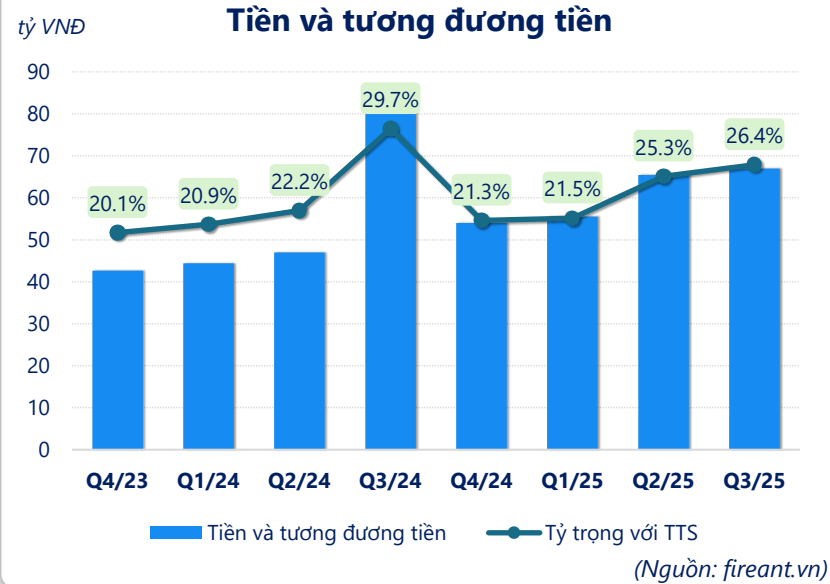
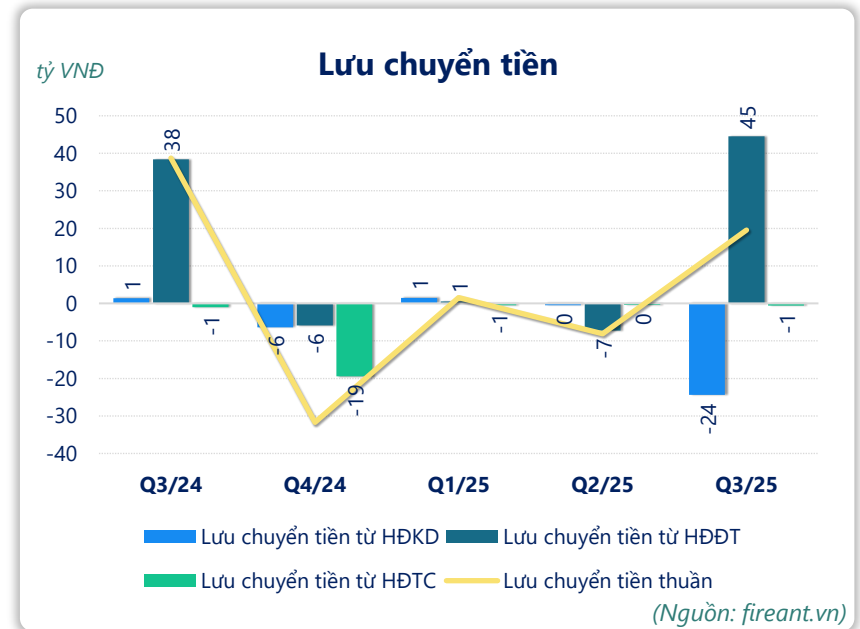
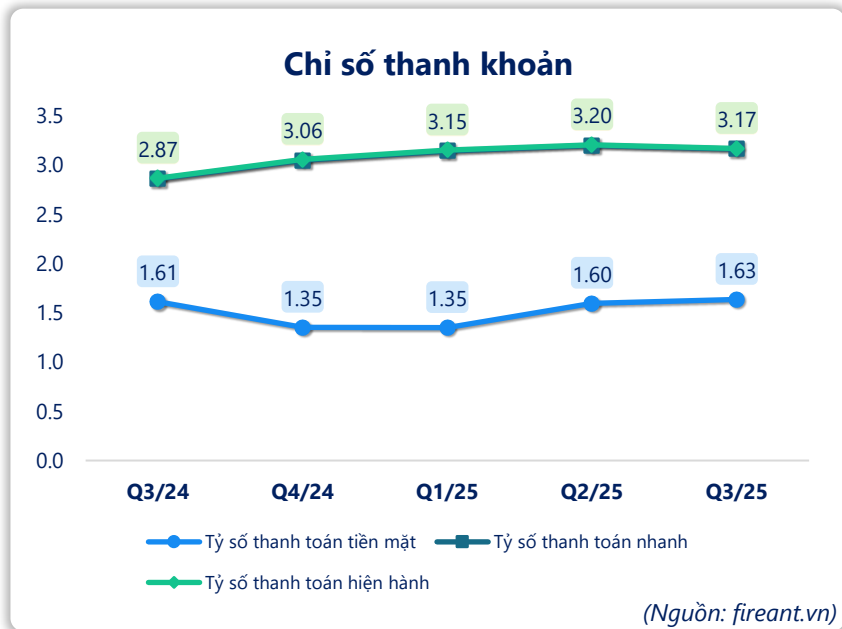
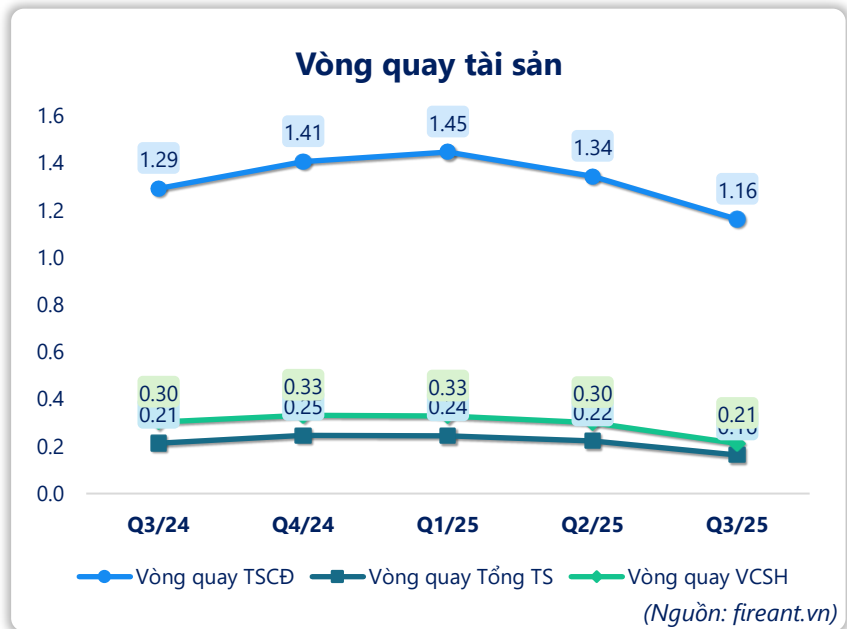
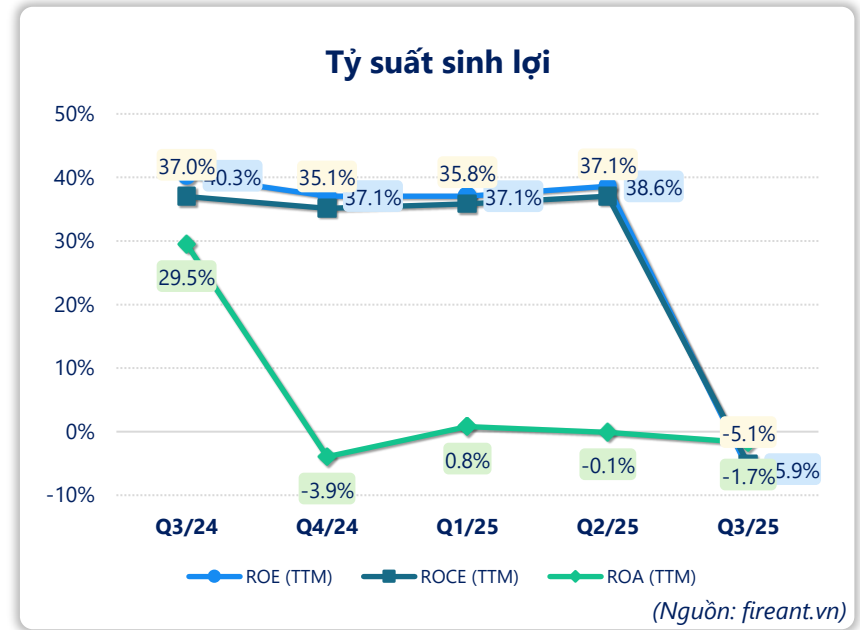
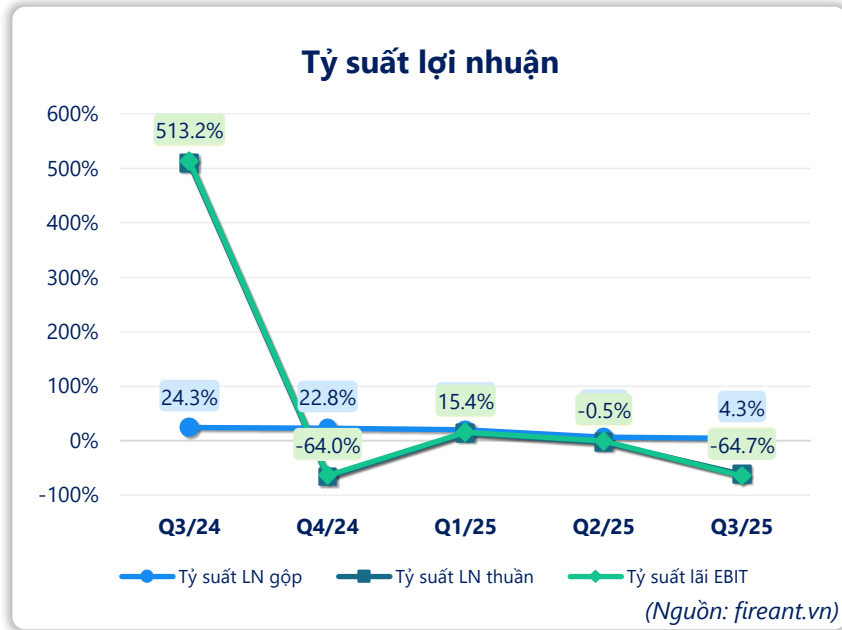
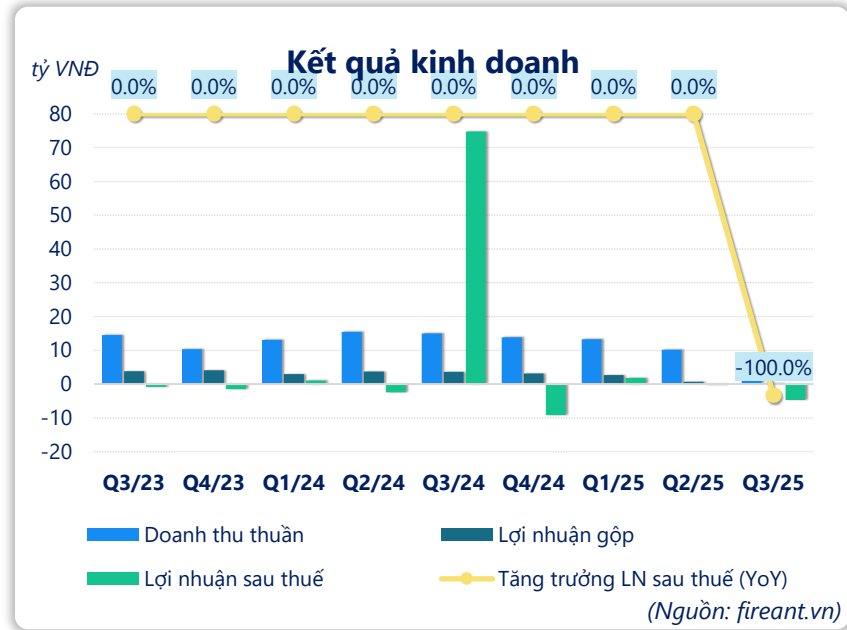


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,300
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		49.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		280
P/E		-22.8
EPS		-614

	YTD	1T	3T	6T
HGT	34.6%	0.0%	30.8%	28.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	254	256	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	130	127	2.1%
Tiền và tương đương tiền	66.9	54.0	24.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	45.0	-77.8%
Phải thu ngắn hạn	51.9	27.3	90.3%
Hàng tồn kho	0.32	0.41	-22.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.30	74.6%
Tài sản dài hạn	124	129	-4.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	36.1	39.0	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.91	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	82.7	84.5	-2.1%
Tài sản dài hạn khác	4.13	5.67	-27.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	50.3	49.8	1.1%
Nợ ngắn hạn	40.9	40.4	1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.50	2.00	-75.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.92	1.05	-12.5%
Nợ dài hạn	9.39	9.39	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	9.39	9.39	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	206	-1.5%
Vốn chủ sở hữu	203	206	-1.5%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	15.0	13.9	13.3	10.2	6.94
Giá vốn hàng bán	11.4	10.7	10.6	9.48	6.64
Lợi nhuận gộp	3.65	3.16	2.65	0.70	0.30
Doanh thu HĐTC	77.8	0.63	0.96	4.51	0.70
Chi phí TC	0.91	2.55	-1.54	1.92	2.05
Chi phí lãi vay	0.48	0.31	0.21	0.21	0.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.34	0.36	0.36	0.25	0.29
Chi phí QLDN	3.72	10.1	2.97	3.33	2.94
LN thuần từ HĐKD	76.5	-9.18	1.82	-0.29	-4.27
Lợi nhuận khác	0.02	0.01	0.01	0.03	-0.42
LN trước thuế	76.5	-9.17	1.83	-0.26	-4.69
Lợi nhuận sau thuế	74.8	-9.17	1.83	-0.26	-4.69
LNST của CĐ cty mẹ	74.8	-9.17	1.83	-0.26	-4.69

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.37	-6.37	1.46	-0.47	-24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.3	-5.88	0.56	-7.21	44.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.00	-19.5	-0.50	-0.39	-0.61
Tiền đầu kỳ	47.0	85.7	54.0	55.5	47.4
Lưu chuyển tiền thuần	38.7	-31.7	1.52	-8.07	19.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	85.7	54.0	55.5	47.4	66.9

(Nguồn: fireant.vn)